

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 kết thúc ngày 30/06/2020

## **NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 5
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	6 - 7
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán:</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 32.000.000 cổ phần.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ**

- Theo quyết định số 01/2019/QĐ-HĐQT ngày 14/06/2019 về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện quản lý phần vốn góp, quyết định thành lập Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400508358 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/06/2019, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ có địa chỉ tại Xóm Bùi, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND; Chủ sở hữu là Công ty CP đầu tư BKG Việt Nam; Người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Văn Hưng. Số vốn góp của Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam là 50.000.000.000 VND chiếm 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, Công ty vẫn chưa thực góp số tiền trên.
- Ngày 23 tháng 10 năm 2019, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ được phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 cho dự án đầu tư: Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam
- Tại ngày 17/02/2020, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

- Theo Quyết định số 05/2020/QĐ-HĐQT ngày 09/03/2020 về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện quản lý phần vốn góp, quyết định thành lập Công ty Cổ phần phát triển rừng BKG độc lập. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400515394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17/03/2020, Công ty Cổ phần phát triển rừng BKG Độc lập có địa chỉ tại Xóm Can, xã Độc Lập, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND; Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Minh Hải. Số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam là 40.000.000.000 VND, chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, Công ty vẫn chưa thực góp số tiền trên.
- Ngày 14 tháng 05 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban dân dân tỉnh Hòa Bình theo Quyết định số 25/QĐ-UBND cho dự án đầu tư: Trồng rừng nguyên liệu bền vững

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/09/2018
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/04/2020
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/04/2020
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Điền Văn Trung	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2019

**Các thành viên của Ban Kiểm soát của công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Đặng Phước Đức	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Hưng**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 291/BCKT-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*  
của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được lập ngày 28 tháng 07 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích

hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**Phó Tổng Giám đốc**

**Lê Phương Anh**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 0739 -2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Phạm Thị Tuyên**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 1474-2017-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.746.150.372</b>	<b>113.442.644.910</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>12.695.908.173</b>	<b>5.062.627.057</b>
1. Tiền	111		12.695.908.173	5.062.627.057
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>84.487.524.275</b>	<b>101.479.439.346</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.a	18.824.178.574	27.074.245.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.a	65.087.138.701	73.255.194.029
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.a	576.207.000	1.150.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>13.484.166.477</b>	<b>6.267.300.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.484.166.477	6.267.300.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.078.551.447</b>	<b>633.278.507</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.a	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.077.051.447	631.778.507
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12.b	1.500.000	1.500.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>223.773.534.211</b>	<b>222.710.730.167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>139.720.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.b	139.720.000	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.698.938.095</b>	<b>3.675.047.980</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	4.698.938.095	3.675.047.980
- Nguyên giá	222		4.971.522.605	3.703.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(272.584.510)	(28.133.838)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2</b>	<b>218.400.000.000</b>	<b>218.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		218.400.000.000	218.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>534.876.116</b>	<b>635.682.187</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.b	534.876.116	635.682.187
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>335.519.684.583</b>	<b>336.153.375.077</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.144.682.058</b>	<b>6.440.319.765</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.425.962.058</b>	<b>6.440.319.765</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.a	324.815.635	4.207.533.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11.a	723.264.130	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.a	1.586.293.648	1.896.606.488
4. Phải trả người lao động	314		200.182.120	172.206.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		42.338.471	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14.a	369.388.054	163.973.185
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9.a	179.680.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>718.720.000</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	9.b	718.720.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>331.375.002.525</b>	<b>329.713.055.312</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>331.375.002.525</b>	<b>329.713.055.312</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		320.000.000.000	320.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.375.002.525	9.713.055.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.713.055.312	4.068.215.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.661.947.213	5.644.840.288
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>335.519.684.583</b>	<b>336.153.375.077</b>

Người lập biểu



Phạm Lương Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Phạm Lương Bảo Ngọc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020



Nguyễn Văn Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND  
Kỳ này  
Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	63.734.673.491	46.398.325.581
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		63.734.673.491	46.398.325.581
4. Giá vốn hàng bán	11	2	59.485.089.301	44.938.426.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.249.584.190	1.459.898.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	151.968	558.782.115
7. Chi phí tài chính	22	4	41.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	7.a	808.740.815	227.630.691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.b	1.335.183.346	264.383.592
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.105.770.997	1.526.666.480
11. Thu nhập khác	31	5	3	1
12. Chi phí khác	32	6	17.125.168	32.070.996
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(17.125.165)	(32.070.995)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.088.645.832	1.494.595.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	426.698.619	292.983.947
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.661.947.213	1.201.611.538
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			1.661.947.213	1.201.611.538
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10	52	48
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



Phạm Lương Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Phạm Lương Bảo Ngọc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020



Nguyễn Văn Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG****Phương pháp gián tiếp****6 tháng đầu năm 2020**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	2.088.645.832	1.494.595.485
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		244.339.705	(557.948.782)
- Khấu hao tài sản cố định	02	244.450.673	833.333
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	41.000	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(151.968)	(558.782.115)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác (*)	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	2.332.985.537	936.646.703
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	16.406.922.131	22.737.941.173
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(7.216.866.477)	(1.071.566.640)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.117.493.195)	(1.152.045.528)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	100.806.071	(102.364.138)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(503.243.132)	(817.881.725)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	8.003.110.935	20.530.729.845
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.268.340.787)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(24.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	151.968	104.685
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(1.268.188.819)	(24.499.895.315)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	898.400.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>898.400.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>7.633.322.116</b>	<b>(3.969.165.470)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.062.627.057</b>	<b>6.596.319.907</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41.000)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>12.695.908.173</b>	<b>2.627.154.437</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Lương Bảo Ngọc

Phạm Lương Bảo Ngọc



Nguyễn Văn Hưng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 32.000.000 cổ phần.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. (Chi tiết: Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng; Bán buôn sơn và vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh..);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất
- Khai thác gỗ
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

*Các công ty thành viên, chi nhánh của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 như sau:*

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam	Thôn Lão Nội, Xã Phú Nghĩa, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.



Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

##### **5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu,

không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư.**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc      05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị            03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải        06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng        03 - 10 năm

#### **8. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty

#### **10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

### 12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### 14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 16. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

## 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

---

## 21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

11/01/2020  
T H N  
11/01/2020

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	2.082.446.781	855.114.364
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.613.461.392	4.207.512.693
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.695.908.173</b>	<b>5.062.627.057</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

<b>3. Phải thu khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.824.178.574</b>	<b>27.074.245.317</b>
- Các bên liên quan	-	-
- Các đối tượng khác	18.824.178.574	27.074.245.317
- Công ty TNHH MTV Minh Trúc Xuân		14.047.585.520
- Công ty TNHH D&G Việt Nam		6.434.849.350
- Công ty TNHH XNK Hưng Thịnh	-	3.459.436.200
- Công ty CP vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	4.574.170.832	
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và chế biến lâm sản An Khang	11.421.806.000	
Khác	2.828.201.742	3.132.374.247
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4. Trả trước cho người bán**

<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>65.087.138.701</b>	<b>73.255.194.029</b>
- Các bên liên quan	26.200.000.000	42.261.562.760
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập gỗ Hà Nội		16.061.562.760
- Trần Công Thành (*)	26.200.000.000	26.200.000.000
- Các đối tượng khác	38.887.138.701	30.993.631.269
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập gỗ Hà Nội	7.162.781.003	
- Công ty TNHH Chế biến Tre Gỗ Chương Mỹ	8.655.070.500	8.543.545.500
- Đỗ Văn Quang (**)	22.250.000.000	22.250.000.000
- Khác	819.287.198	200.085.769
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(\*) Khoản trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/12/2019 tại thửa đất số 304 tờ bản đồ số 21 thuộc Thôn Đồng Gội, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, Hòa Bình. Giá trị hợp đồng là 26.200.000.000 VND. Đến ngày 30/06/2020, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng. Tại ngày 30/06/2020 đã bàn giao quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện thủ tục sang tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 399257, số vào sổ cấp GCN: CS 01622 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 10/8/2018.

- + Diện tích: 8.572,1 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Tám nghìn năm trăm bảy mươi hai phẩy một mét vuông)
- + Hình thức sử dụng: sử dụng riêng
- + Mục đích sử dụng: Đất ở 400 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 8.172,1 m<sup>2</sup>
- + Thời hạn sử dụng: đất ở: Lâu dài; 156,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sử dụng đến ngày 26/12/2048; 8.015,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 8/2052

(\*\*) Khoản trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2019 tại Ô số 22 lô BT-B2 khu biệt thự đồi thủy sản, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Giá trị hợp đồng: 22.250.000.000 VND. Đến ngày 30/06/2020, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng. Tại ngày 30/06/2020 đã bàn giao quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện thủ tục sang tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 296500, Số vào sổ cấp GCN: CH 37017 do UBND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26/11/2019 mang tên ông Đỗ Văn Quang và Phạm Thị Kim.

- + Thửa đất số: 17, tờ bản đồ số: 64;
- + Diện tích: 445 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi lăm mét vuông);
- + Hình thức sử dụng: riêng: 445 m<sup>2</sup>, chung: không;
- + Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- + Thời hạn sử dụng: Lâu dài

**5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>576.207.000</b>	-	<b>1.150.000.000</b>	-
Tạm ứng	576.207.000	-	1.150.000.000	-
- Bà Vũ Thị Hà	576.207.000		650.000.000	
- Bà Đặng Thị Thanh			500.000.000	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>139.720.000</b>	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	139.720.000		-	

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.945	-
Thành phẩm	279.852.054	-
Hàng hoá	13.204.310.478	6.267.300.000
<b>Cộng</b>	<b>13.484.166.477</b>	<b>6.267.300.000</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

(Chi tiết phụ lục số 02)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

<b>8. Chi phí trả trước</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
- Chi phí khác		
<b>b. Dài hạn</b>	<b>534.876.116</b>	<b>635.682.187</b>
- Công cụ dụng cụ	534.876.116	635.682.187
<b>Cộng</b>	<b>534.876.116</b>	<b>635.682.187</b>

**9. Vay và nợ thuê tài chính**

(Chi tiết phụ lục số 03)

<b>10. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>324.815.635</b>	<b>4.207.533.202</b>
<b>Các bên liên quan</b>		
- Công ty CP gỗ BKG	324.815.635	4.189.600.000
<b>Các đối tượng khác</b>		
- Khác		17.933.202
<b>b. Dài hạn</b>	-	-

**11. Người mua trả tiền trước**

<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Các đối tượng khác</b>	<b>723.264.130</b>	-
- Công ty TNHH MTV Minh Trúc Xuân	513.264.130	
- Các đối tượng khác	210.000.000	

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp, khấu trừ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	-	6.373.467.350	6.373.467.350	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.662.673.161	426.698.619	503.243.132	1.586.128.648
Thuế Thu nhập cá nhân	209.526.692		209.526.692	-
Các loại thuế khác	24.406.635		24.241.635	165.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.896.606.488</b>	<b>6.806.165.969</b>	<b>7.116.478.809</b>	<b>1.586.293.648</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Các loại thuế khác	1.500.000			1.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000</b>	-	-	<b>1.500.000</b>

**13. Chi phí phải trả**

<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
- Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	42.338.471	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.338.471</b>	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

14. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>369.388.054</b>	<b>163.973.185</b>
Bảo hiểm xã hội	296.583.779	133.781.462
Bảo hiểm y tế	51.294.642	21.359.622
Bảo hiểm thất nghiệp	21.509.633	8.832.101
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>369.388.054</b>	<b>163.973.185</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

(Chi tiết phụ lục số 04)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn góp của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Trần Công Thành	60.000.000.000	18,75%	35.200.000.000	11,00%
- Nguyễn Văn Hưng	48.000.000.000	15,00%	15.040.000.000	4,70%
- Bùi Thị Hạnh Tâm	1.000.000.000	0,31%	54.400.000.000	17,00%
- Nguyễn Minh Hải	15.000.000.000	4,69%	16.000.000.000	5,00%
- Lê Quốc Việt			16.000.000.000	5,00%
- Nguyễn Xuân Hoàn	1.600.000	0,001%	16.000.000.000	5,00%
- Các đối tượng khác	195.998.400.000	61,25%	167.360.000.000	52,30%
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Các bên liên quan	Giao dịch	Kỳ này
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	32.960.000.000
- Ông Trần Công Thành	Nhận chuyển nhượng cổ phần	24.800.000.000
- Ông Điền Văn Trung	Nhận chuyển nhượng cổ phần	500.000.000
- Ông Nguyễn Quang Duy	Nhận chuyển nhượng cổ phần	500.000.000
- Ông Nguyễn Minh Hải	Chuyển nhượng cổ phần	1.000.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Chuyển nhượng cổ phần	15.998.400.000
- Bà Bùi Thị Hạnh Tâm	Chuyển nhượng cổ phần	53.400.000.000
- Ông Lê Quốc Việt	Chuyển nhượng cổ phần	16.000.000.000
- Bà Trần Ngọc Lan	Chuyển nhượng cổ phần	1.280.000.000
- Ông Đặng Phước Đức	Chuyển nhượng cổ phần	14.200.000.000
- Bà Phan Thị Thu Hà	Chuyển nhượng cổ phần	1.004.000.000
- Ông Phạm Lương Bảo Ngọc	Chuyển nhượng cổ phần	9.200.000.000

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	320.000.000.000	320.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	61.733.203.120	46.398.325.581
- <i>Doanh thu nguyên liệu lâm sản</i>	26.153.066.000	5.798.873.850
- <i>Doanh thu bán ván ghép thanh, ván ép coppha</i>	35.580.137.120	40.322.144.731
- <i>Doanh thu máy móc thiết bị</i>		277.307.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.001.470.371	-
- <i>Doanh thu thi công lắp đặt nội thất</i>	999.506.735	-
- <i>Doanh thu thiết kế</i>	1.001.963.636	-
<b>Cộng</b>	<b>63.734.673.491</b>	<b>46.398.325.581</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	58.684.975.522	44.938.426.933
- <i>Giá vốn nguyên liệu lâm sản</i>	23.920.926.000	4.920.256.600
- <i>Giá vốn ván ghép thanh, ván ép coppha</i>	34.764.049.522	39.756.719.991
- <i>Giá vốn máy móc thiết bị</i>		261.450.342
Giá vốn cung cấp dịch vụ	800.113.779	-
- <i>Giá vốn thi công</i>	693.869.214	-
- <i>Giá vốn thiết kế</i>	106.244.565	-
<b>Cộng</b>	<b>59.485.089.301</b>	<b>44.938.426.933</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	151.968	558.782.115
<b>Cộng</b>	<b>151.968</b>	<b>558.782.115</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ	41.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.000</b>	<b>-</b>

**5. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thu nhập khác	3	1
<b>Cộng</b>	<b>3</b>	<b>1</b>

**6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	17.125.168	-
- Khác		32.070.996
<b>Cộng</b>	<b>17.125.168</b>	<b>32.070.996</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**7. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>808.740.815</b>	<b>227.630.691</b>
- Chi phí nhân công	562.423.627	107.630.691
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.317.188	120.000.000
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.335.183.346</b>	<b>264.383.592</b>
- Chi phí nhân công	638.472.040	223.307.308
- Chi phí khấu hao, phân bổ CCDC	181.856.299	3.482.039
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	477.336.425	31.536.978
- Chi phí khác bằng tiền	31.518.582	2.057.267
<b>Cộng</b>	<b>2.143.924.161</b>	<b>492.014.283</b>

**8. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	73.782.019	21.000.000
- Chi phí nhân công	1.214.136.167	338.137.999
- Chi phí khấu hao, Phân bổ CCDC	355.745.187	4.315.372
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.587.224	153.513.218
- Chi phí khác bằng tiền	31.518.582	2.057.267
<b>Cộng</b>	<b>2.423.769.179</b>	<b>523.023.856</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.088.645.832</b>	<b>1.494.595.485</b>
- Lợi nhuận Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam	2.090.896.826	1.464.919.736
- Lợi nhuận Chi nhánh	(2.250.994)	29.675.749
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	42.596.271	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	42.596.271	-
- Chi phí không hợp lệ	42.555.271	-
- Lỗ tỷ giá cuối kỳ	41.000	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>2.133.493.097</b>	<b>1.464.919.736</b>
<b>Thuế suất hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>	<b>426.698.619</b>	<b>292.983.947</b>
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>426.698.619</b>	<b>292.983.947</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.695.908.173	-	5.062.627.057	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.540.105.574	-	28.224.245.317	-
Đầu tư dài hạn	218.400.000.000	-	218.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>250.636.013.747</b>	<b>-</b>	<b>251.686.872.374</b>	<b>-</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	898.400.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	694.203.689	4.371.506.387
Chi phí phải trả	42.338.471	-
<b>Cộng</b>	<b>1.634.942.160</b>	<b>4.371.506.387</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.695.908.173			12.695.908.173
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.400.385.574	139.720.000		19.540.105.574
Đầu tư dài hạn		218.400.000.000		218.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.096.293.747</b>	<b>218.539.720.000</b>	<b>-</b>	<b>250.636.013.747</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.062.627.057			5.062.627.057
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.224.245.317	-		28.224.245.317
Đầu tư dài hạn		218.400.000.000		218.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.286.872.374</b>	<b>218.400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>251.686.872.374</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán, phải trả	694.203.689	-		694.203.689
<b>Cộng</b>	<b>694.203.689</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>694.203.689</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả	4.371.506.387	-		4.371.506.387
Chi phí phải trả	-	-		-
<b>Cộng</b>	<b>4.371.506.387</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.371.506.387</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê,  
P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày  
30/06/2020**2. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên	61.733.203.120	2.001.470.371	63.734.673.491
Chi phí bộ phận	58.684.975.522	800.113.779	59.485.089.301
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>3.048.227.598</b>	<b>1.201.356.592</b>	<b>4.249.584.190</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>2.143.924.161</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.105.660.029
Doanh thu hoạt động tài			151.968
Chi phí tài chính			41.000
Thu nhập khác			3
Chi phí khác			17.125.168
Thuế TNDN hiện hành			426.698.619
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>1.661.947.213</b>

**3. Giao dịch với bên liên quan****a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP gỗ BKG	Công ty con
- Công ty CP BKG Trúc Xuân	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập gỗ Hà Nội	Ông Lưu Văn Hùng- Phó GD công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam đến ngày 28/02/2019 đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH MTV XNK gỗ Hà Nội
- Ông Lê Quốc Việt	Cổ đông lớn của Công ty đến ngày 09/4/2020
- Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT từ ngày 04/9/2018
- Ông Nguyễn Xuân Hoàn	TV HĐQT của Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam đến ngày 16/04/2020.
- Ông Phạm Lương Bảo Ngọc	Kế toán trưởng Công ty
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT từ ngày 16/04/2020
- Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Đặng Phước Đức	Thành Viên Ban Kiểm soát
- Bà Phan Thị Thu Hà	Thành Viên Ban Kiểm soát
- Ông Điền Văn Trung	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
- Bà Bùi Thị Hạnh Tâm	Vợ ông Trần Công Thành



**b. Giao dịch với bên liên quan**  
**Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

		<u>Kỳ này</u>	
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		108.267.308	
<u>Các bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty CP Gỗ BKG	Mua hàng hóa, dịch vụ	636.014.214	280.000.000
	Thanh toán tiền hàng	4.149.454.545	
- Công ty CP BKG Trúc Xuân	Mua tài sản cố định	115.483.333	
	Thanh toán tiền hàng	115.483.333	
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập gỗ Hà Nội	Mua hàng		14.744.700.000
	Thanh toán tiền hàng		8.643.800.000
	Bù trừ công nợ		5.790.575.060
- Ông Phạm Lương Bảo Ngọc	Cho vay		8.000.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 do đơn vị lập.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

**Người lập biểu**



**Phạm Lương Bảo Ngọc**

**Kế toán trưởng**



**Phạm Lương Bảo Ngọc**



**Nguyễn Văn Hưng**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tô Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

Phụ lục số 01

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>	<b>218.400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>218.400.000.000</b>	<b>218.400.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Gỗ BKG	95.000.000.000	-	95.000.000.000	95.000.000.000	-
Công ty CP BKG Trúc Xuân	49.000.000.000	-	49.000.000.000	49.000.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	74.400.000.000	-	74.400.000.000	74.400.000.000	-

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty con của công ty tại ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Gỗ BKG	Hà Nội	95%	95%	Khai thác, chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP BKG Trúc Xuân	Hà Nội	98%	98%	Khai thác, chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Hòa Bình	99,2%	99,2%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

Phụ lục số 02

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>		3.167.181.818	1.227.104.424	536.000.000	3.703.181.818
- Mua trong năm				41.236.363	1.268.340.787
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Nhận biếu tặng					-
- Giảm khác					-
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>3.167.181.818</b>	<b>1.227.104.424</b>	<b>577.236.363</b>	<b>4.971.522.605</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>		3.208.838	11.548.333	24.925.000	28.133.838
- Khấu hao trong kỳ		173.888.888		59.013.451	244.450.672
- Tăng khác					-
- Giảm khác					-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>177.097.726</b>	<b>11.548.333</b>	<b>83.938.451</b>	<b>272.584.510</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	3.163.972.980	-	511.075.000	3.675.047.980
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>2.990.084.092</b>	<b>1.215.556.091</b>	<b>493.297.912</b>	<b>4.698.938.095</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 1.111.621.091 VND

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: - VND

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục số 03

**Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
<b>a. Ngắn hạn</b>	179.680.000	179.680.000	179.680.000	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	179.680.000	179.680.000	179.680.000			
- CN Đông Đô - PGD Văn Quán (*)						
<b>b. Dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	718.720.000	718.720.000	898.400.000	179.680.000	-	-
- CN Đông Đô - PGD Văn Quán (*)	718.720.000	718.720.000	898.400.000	179.680.000	-	-
<b>Cộng</b>						

(\*) Chi tiết hợp đồng vay:

- Hợp đồng cho vay số 250620-6292080-01-SME ngày 29/06/2020.

- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 29/06/2020 đến ngày 29/06/2025

- Số tiền vay: 898.400.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 179.680.000 VND.

- Lãi suất: 12,2 %/năm.

- Mục đích: thanh toán một phần tiền mua ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP.HN

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục số 04

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	320.000.000.000	-	-	4.068.215.024	324.068.215.024
- Tăng vốn trong năm trước					-
- Lãi trong năm trước				5.644.840.288	5.644.840.288
<b>Số dư đầu năm nay</b>	320.000.000.000	-	-	9.713.055.312	329.713.055.312
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lãi trong kỳ				1.661.947.213	1.661.947.213
<b>Số dư cuối kỳ</b>	320.000.000.000	-	-	11.375.002.525	331.375.002.525